

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-PT

Ngày: 07-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Duy Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2019/TLHS-PT ngày 08 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Trần Đăng H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Đăng H (tên gọi khác: H), sinh năm 1984 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và 04 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018); bị bắt tạm giam từ ngày 05-4-2018 đến ngày 11-7-2018 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh ; đang tại ngoại - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh T – Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T – Có mặt;

Địa chỉ: Số 26 đường 14, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị hại: Anh Lê Quốc K, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 140/8 T, Khu phố X, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Anh Lê Hải T, sinh năm 1970 (*Văn bản ủy quyền ngày 15-11-2018*) – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lương Thị T, sinh năm 1953 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng*: Anh Lê Hải T – Có mặt.

Địa chỉ: Số 140/8 T, Khu phố X, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ nhu cầu mua gỗ phục vụ kinh doanh của anh Lê Quốc K, sau khi tìm hiểu những người quen làm trong nghề chế biến gỗ anh Lê Quốc K được giới thiệu đến số điện thoại của Trần Đăng H, sinh năm 1984, là Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên thương mại Đ có trụ sở tại thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (*Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 6400200879 với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, trong đó có khai thác gỗ*) để liên lạc. H cho biết có khả năng khai thác gỗ theo yêu cầu nên anh K cùng anh trai là Lê Hải T, sinh năm 1970, trú tại số 140/8 T, Khu phố X, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà hàng H tại Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông gặp H để lập Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 28-11-2011 với nội dung mua 08 cây gỗ Hương huyết quy cách: dài 8,2m, đường kính 60cm, giá mỗi cây 180.000.000 đồng, tổng cộng 1.440.000.000 đồng; thời hạn giao hàng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Anh K đặt cọc cho H 400.000.000 đồng, số tiền còn lại giao đủ khi nghiệm thu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng được lập thành 02 bản, anh K ký tên bên mua, H ký tên và đóng dấu công ty TNHH MTV TM Đ bên bán.

Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền cọc, H đặt cọc tiếp cho một đối tác cung cấp gỗ nhưng không thành nên tự mình đến tỉnh Mondulakiri của Campuchia để khai thác. Vì việc khai thác gỗ gặp khó khăn nên đến hẹn H không thể bàn giao cho anh K như thỏa thuận. H đã nhiều lần dẫn anh K và anh Lê Hải T qua Campuchia để xem gỗ nhưng vì không đủ số lượng và không đúng chất lượng cũng như không giao được tại Thành phố Hồ Chí Minh nên hợp đồng không thực hiện được. Anh K đồng ý cho H gia hạn đến ngày 16-02-2012. Tuy nhiên, hết thời gian này H vẫn không cung cấp được gỗ. Anh K, anh Lê Hải T liên lạc cho H nhưng không được nên đã trực tiếp đến nhà của H tại thôn 2, xã Đ, huyện T. Tại đây, anh K và anh Lê Hải T gặp bà Lương Thị T, là mẹ nuôi của H. Do bà Lương Thị T biết việc H đang thực hiện hợp đồng

mua bán gỗ với anh K và cũng đang gặp khó khăn trong việc thực hiện hợp đồng nên chủ động đứng ra dàn xếp và xin lùi thời hạn , đồng thời đề nghị đưa thêm 60.000.000 đồng để bà đưa cho H làm chi phí đưa gỗ về Việt Nam. Anh Lê Hải T ký thêm 01 Hợp đồng đặt cọc với bà T và gia hạn hợp đồng đến ngày 10-3-2012; đưa cho bà Lương Thị T 60.000.000 đồng. Số tiền này, bà Lương Thị T đã đổi thành tiền đô-la Mỹ chuyển sang Campuchia cho H cùng với số tiền bà Lương Thị T cho H mượn (*H không biết bà Lương Thị T nhận thêm tiền từ anh Lê Hải T*). Hết thời gian gia hạn lần 2, H mới khai thác được 02 cây gỗ Hương huyết nhưng không đưa về Việt Nam được do vướng thủ tục pháp lý . Lúc này, khi đã mất quá nhiều tiền và nhận thấy mình không còn khả năng thực hiện được hợp đồng với anh K nên H bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng đã nhận của anh K.

Quá trình bỏ trốn, H sinh sống nhiều nơi nhưng không đăng ký cư trú, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, bạn bè và với anh K nhằm trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Ngày 05-4-2018, H bị bắt theo Lệnh truy nã. Tại cơ quan điều tra, H đã thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đăng H 02 năm 06 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* ", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 05-4-2018 đến ngày 11-7-2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 03-12-2019, bị cáo Trần Đăng H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Đăng H thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tuyên bị cáo không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với lý do: Bị cáo cho rằng việc bị cáo nhận tội là do khi mới bị bắt bị cáo hoảng sợ, bản thân bị cáo cũng chưa trả được tiền cho bị hại nên chấp nhận khai nhận tội để được hưởng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo còn cho rằng thực tế bị cáo không có ý thức chiếm đoạt số tiền của bị hại mà do việc khai thác, vận chuyển gỗ gặp nhiều khó khăn, bị cáo đã nhờ bà Lương Thị T là mẹ nuôi của bị cáo giúp đỡ bị cáo trong việc thực hiện hợp đồng, sau đó bà Lương Thị T đã gọi điện báo với bị cáo là bà đã sắp xếp xong công việc và nói bị cáo yên tâm đi làm nên bị cáo tiếp tục đi làm ở một số nơi; trong quá trình đi làm bị cáo vẫn đăng ký kết hôn với vợ sau là chị Nguyễn Thị T, khi có con bị cáo vẫn đi đăng ký khai sinh cho con, bị cáo không hề biết có việc truy nã của cơ quan tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Đăng H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* " theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ

pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát vì cũng như bị cáo trình bày trên, bị cáo không hề có ý thức bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo là một Giám đốc công ty, không thể chỉ vì số tiền 400.000.000 đồng mà bỏ trốn, bị cáo vẫn thừa nhận việc có đi đến một số nơi để làm việc, quá trình làm việc vẫn sử dụng giấy tờ tùy thân. Ngoài ra, bản thân bị cáo vì biết mình không còn khả năng thực hiện hợp đồng nên đã nhờ bà Lương Thị T đứng ra giúp đỡ, theo đó bà Lương Thị T đã ký hợp đồng với anh Lê Hải T với nội dung nếu không thực hiện được hợp đồng thì bà Lương Thị T sẽ chịu trách nhiệm đối với toàn bộ giá trị của hợp đồng. Như vậy, giữa bị cáo với bà Lương Thị T đã phát sinh quan hệ chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật Dân sự, bà Lương Thị T đã nhận trách nhiệm với anh Lê Hải T đối với phần nghĩa vụ mà bị cáo phải thực hiện. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị hại cũng đã thừa nhận việc bà Lương Thị T nhận trách nhiệm thực hiện hợp đồng thay cho bị cáo nhưng vì bà Lương Thị T bị bệnh hiểm nghèo nên bị hại mới không yêu cầu đối với bà Lương Thị T mà chỉ yêu cầu đối với bị cáo. Như vậy, không thể dựa vào lời khai nhận tội của bị cáo làm chứng cứ để khởi tố và xét xử bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cần xem xét theo hướng giải quyết trách nhiệm của bị cáo bằng quan hệ dân sự là bồi thường hợp đồng.

Bị cáo Trần Đăng H thống nhất như quan điểm bào chữa của Luật sư và không bào chữa, tranh luận bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tuyên bố bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo Trần Đăng H ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 28-11-2011 với anh Lê Quốc K và nhận của anh K số tiền 400.000.000đ tiền cọc để giao cho anh K 08 cây gỗ Hương huyết, quy cách dài 8,2m; đường kính 60cm trong thời hạn 30 ngày. Sau đó, việc khai thác gỗ gặp khó khăn, H không thực hiện được hợp đồng với anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng việc bị cáo đi khỏi địa phương chỉ là đi ngoại giao, tìm mối quan hệ làm ăn ở một số địa phương khác như tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tại tỉnh Đắk Lắk, tại tỉnh Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh..., bị cáo không hề bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ với anh K và anh Lê Hải T. Bởi lẽ, sau khi không thực hiện được hợp đồng bị cáo đã nhờ và được bà Lương Thị T nhận giúp đỡ. Như vậy, nghĩa vụ của bị cáo đã được chuyển giao cho bà Lương Thị T, việc này bà Lương Thị T đã báo kết quả cho bị cáo thông qua điện thoại.

Hồ sơ vụ án tại bút lục số 73 thể hiện bà Lương Thị T có ký hợp đồng đặt cọc với anh Lê Hải T là người đại diện theo ủy quyền của anh K, nội dung như thỏa

thuận giữa bị cáo với anh K về việc mua bán gỗ, theo hợp đồng đặt cọc thì bà Lương Thị T đã nhận chịu trách nhiệm đối với toàn bộ giá trị hợp đồng. Hợp đồng này có ghi “*Bên B cụ thể là Lương Thị T phải đền theo tổng giá trị hợp đồng như đã cam kết. Nếu có vi phạm hợp đồng bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Đây là chứng cứ quan trọng cần xem xét, đánh giá nhưng trong hồ sơ chỉ là bản phô tô, không có công chứng, chứng thực, không phải là bản gốc, chứng cứ này cũng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá. Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ gốc là có thiếu sót, điều tra chưa đầy đủ.

Tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai của anh K và anh Lê Hải T đều khẳng định sau khi không liên lạc được với bị cáo thì hai người đã đến nhà bị cáo và gặp bà Lương Thị T, theo đó bà Lương Thị T đã cam kết chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng, thể hiện bằng việc ký giấy đặt cọc nêu trên, đồng thời yêu cầu anh K anh Lê Hải T đưa thêm số tiền 60.000.000đ để làm chi phí thực hiện hợp đồng. Sau đó khoảng 01 tháng thì bà Lương Thị T là người gọi cho anh K, anh Lê Hải T đến nhận gỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Hải T khẳng định việc bà Lương Thị T nhận trách nhiệm thay bị cáo tiếp tục thực hiện hợp đồng, sau đó hợp đồng vẫn không được thực hiện nhưng do bà Lương Thị T bị bệnh hiểm nghèo nên anh không yêu cầu đối với bà Lương Thị T mà chỉ yêu cầu bị cáo có trách nhiệm đối với anh và anh K.

Tại các biên bản ghi lời khai của bà Lương Thị T, bà Lương Thị T cũng thừa nhận do biết được bị cáo ký hợp đồng mua bán gỗ với anh K và anh Lê Hải T nhưng gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng nên bà Lương Thị T đã chủ động đứng ra dàn xếp. Do anh K và anh Lê Hải T không tin tưởng bị cáo, không đưa tiền cho bị cáo vì sợ bị mất nên bà chủ động ký hợp đồng đặt cọc ngày 26-02-2012 và yêu cầu anh K, anh Lê Hải T giao thêm tiền để bà Lương Thị T tiếp tục thực hiện hợp đồng. Do vậy mới có việc anh Lê Hải T giao thêm cho bà Lương Thị T 60.000.000đ.

Như vậy, cần điều tra để làm rõ có việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự giữa bị cáo với bà Lương Thị T hay không, việc chuyển giao này có được người có quyền là anh Lê Quốc K đồng ý hay không để từ đó xác định bị cáo có phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng cho anh K hay không. Cần phải thu thập bản gốc hợp đồng đặt cọc giữa bà Lương Thị T với anh Lê Hải T. Những vấn đề trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là chưa đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét quan điểm đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Đăng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đăng H, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp để điều tra lại.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp để giải quyết theo thủ tục chung.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Đăng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- CA huyện Đắk R'Lấp;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: THCTP, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh